

UNIT 3: HOMES - GRAMMAR & FLYERS READING PRACTICE PART 1

A. THEORY

I. GRAMMAR



Talk about the past!

Past Simple

Regular & Irregular Verbs

(Positive, Negative & Questions)



It was fun!

1. Cách dùng

Dùng để nói về hành động đã xảy ra và kết thúc trong quá khứ.



I **visited** my grandma yesterday.

2. Công thức

Positive (Khẳng định)
S + V-ed / V₂
 I **played** football.

Negative (Phủ định)
S + did not (didn't) + V
 I **didn't play** football.

Questions (Nghi vấn)
Did + S + V?
 Did you **play** football?

3. Dấu hiệu nhận biết

- yesterday (hôm qua)
- last week / last month / last year (tuần/tháng/năm ngoái)
- ... ago (ví dụ: two days ago)
- in 2020 / in the past (trong quá khứ)
- when I was young (khi tôi còn nhỏ)



4. Một số động từ bất quy tắc (irregular verbs) hay gặp (trình độ Flyers)

Verb (V1)	Past Simple (V2)	Nghĩa
make	made	làm, tạo ra
go	went	đi
have	had	có
do	did	làm
see	saw	nhìn, thấy
come	came	đến
eat	ate	ăn

Verb (V1)	Past Simple (V2)	Nghĩa
drink	drank	uống
take	took	lấy, mang
give	gave	đưa, cho
read	read	đọc
write	wrote	viết
find	found	tìm thấy
buy	bought	mua

II. FLYERS READING PART 1



FLYERS READING PART 1



1. Dạng bài

Đọc câu mô tả và chọn đúng từ vựng tương ứng để điền vào chỗ trống.

2. Cách làm bài

Bước 1: Đọc từ vựng trước

Nắm được danh sách từ cho sẵn.



Bước 2: Đọc câu mô tả & Điền từ

Đọc kỹ câu mô tả, chọn từ phù hợp và điền vào chỗ trống.



Bước 3: Kiểm tra lại bài

Đọc lại tất cả các câu và kiểm tra xem từ đã điền có phù hợp và đúng chính tả hay không.



3. Mẹo làm bài

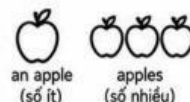
★ Mẹo 1: Nhận diện loại từ

Xác định câu mô tả người/ vật/ địa điểm...



★ Mẹo 2: Chú ý từ số ít / số nhiều

Đọc kỹ để xem cần dùng dạng số ít (a/an) hay số nhiều (s).



★ Mẹo 3: Gạch bỏ từ đã dùng

Sau khi đã điền một từ, hãy gạch bỏ từ đó khỏi danh sách để tránh nhầm lẫn.

~~chair~~
teacher
garden
lion
ball

★ Mẹo 4: Chép đúng chính tả

Viết đúng chính tả theo từ cho sẵn.



III. EXTRA VOCABULARY

Con truy cập link hoặc quét mã QR để nghe và đọc lại từ vựng nhé:

<https://on.soundcloud.com/a3qI7YvWfQRcY6vzv1>



No.	Words	Meanings	Pictures	No.	Words	Meanings	Pictures
1	pyramid (n)	kim tự tháp		4	firefighter (n)	lính cứu hỏa	
2	envelope (n)	phong bì		5	scissors (n)	kéo	
3	ambulance (n)	xe cứu thương		6	gloves (n)	găng tay	

*Note: n = noun: danh từ.

B. CLASSWORK

FLYERS READING PART 1

Look and read. Choose the correct words and write them on the lines. There is one example.

a butterfly	a fork	a restaurant	an artist
-------------	--------	--------------	-----------

	You wear this on your hand. It can be made of silver or gold. Married people wear one sometimes. <i>a ring</i>	
an ambulance	1 This person helps if there is a fire and drives a fire engine. 	a ring
	2 This little insect can fly and sometimes has beautiful colours on its wings. 	
a pyramid	3 You wear these on your hands if it is cold. 	a station
	4 You can use these to cut paper or card. 	
	5 You go to this place to eat a meal. 	
scissors	6 You put your letter inside this. Then you put a stamp on the outside. Then you send it. 	an envelope
	7 You go in this if you have to get to hospital quickly. 	
a swing	8 You use this to pick up your food from your plate. It is usually made of metal. 	a firefighter
	9 This person draws and paints pictures. 	
	10 You go to this place to take a bus or a train. 	

a shelf	a pizza	gloves
---------	---------	--------

C. HOMEWORK

GRAMMAR (15 questions)

I. Con học nghĩa, phát âm và chép từ ở mục III. EXTRAVOCABULARY (trang 2) một dòng vào vở.

II. Complete the sentences using the correct form of the PAST SIMPLE.

~~visit~~	go	buy	play	listen	see
------------------	----	-----	------	--------	-----

0. I visited my grandma yesterday.

1. We _____ to music on the radio last night.
2. Tom _____ to the zoo two days ago.
3. They _____ ice cream at the park yesterday.
4. My sister _____ badminton with her friends last week.
5. I _____ a big elephant in the zoo last year.

III. Rewrite the sentences in Exercise II in the NEGATIVE form.

0. I didn't visit my grandma yesterday.

1. _____
2. _____
3. _____
4. _____
5. _____

IV. Each sentence has one mistake in the underlined verb. Correct it and write the whole sentence again.

0. Did you played football in front of the bungalow?

→ Did you play football in front of the bungalow?

1. Did Mike ate breakfast in the kitchen?

→ _____?

2. Mike didn't watched TV in the living room.

→ _____.

3. Did they lived in a stilt house?

→ _____?

4. Sally have a new lamp for her bedroom last month.

→ _____.

5. Did your grandparents saw a new yurt yesterday?

→ _____?

READING PRACTICE (10 questions)

Look and read. Choose the correct words and write them on the lines. There is one example.

an octopus	an umbrella	a knife	a dentist
------------	-------------	---------	-----------

	You use this to wash your body.	 <i>soap</i>	
medicine	1 This person looks after your teeth and helps you if you have toothache.		a stamp
	2 You use this to make your hair look tidy.		
	3 You use this to stay dry when it is raining.		
a dinosaur	4 This person goes in a rocket.		a theatre
	5 This animal lives in the sea. It has eight legs.		
a dictionary	6 You put this on a letter before you send it.		butter
	7 You use this to cut food. It is usually made of metal.		
biscuits	8 You use this book to find out what words mean.		
	9 A doctor might tell you to take this if you are ill.		a snowman
	10 You might put this on your bread with a knife. It is usually yellow and is made from milk.		

a comb	an astronaut	soap
--------	--------------	------